

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI****BỘ GIAO THÔNG  
VẬN TẢI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 59/2005/QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 21 tháng 11 năm 2005

**QUYẾT ĐỊNH****Ban hành Quy định về trang thiết bị an toàn hàng hải và phòng  
ngừa ô nhiễm môi trường biển lắp đặt trên tàu biển  
Việt Nam hoạt động tuyến nội địa****BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 34/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về trang thiết bị an

toàn hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường biển lắp đặt trên tàu biển Việt Nam hoạt động tuyến nội địa”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2006. Mọi quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ thuộc Bộ, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**BỘ TRƯỞNG****Đào Đình Bình**

0684/25

**BỘ GIAO THÔNG  
VẬN TẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUY ĐỊNH**

**Về trang thiết bị an toàn hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường biển lắp đặt trên tàu biển Việt Nam hoạt động tuyến nội địa**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 59/2005/QĐ-BGTVT  
ngày 21 tháng 11 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy định này quy định về trang thiết bị an toàn hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường biển lắp đặt trên tàu biển Việt Nam hoạt động tuyến nội địa (sau đây gọi chung là trang thiết bị).

2. Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến quản lý, khai thác tàu biển thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Tàu biển có chiều dài từ 20 m trở lên;
- b) Tàu biển có tổng công suất máy chính từ 37 kW trở lên;
- c) Tàu khách, tàu kéo, tàu chở hàng lỏng, tàu chở xô khí hóa lỏng, tàu chở hóa chất nguy hiểm và tàu có công dụng đặc biệt khác không phụ thuộc vào chiều dài tàu và tổng công suất của máy chính.

**Điều 2. Yêu cầu kỹ thuật và yêu cầu bố trí, lắp đặt trang thiết bị**

1. Yêu cầu kỹ thuật và yêu cầu bố trí, lắp đặt trang thiết bị thực hiện theo Quy định này.

2. Trường hợp không nêu trong Quy định này thì phải đáp ứng yêu cầu của TCVN 6259-5: 2003 - Quy phạm phòng, phát hiện và chữa cháy, TCVN 6276: 2003 - Quy phạm các hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm biển của tàu và TCVN 6278: 2003 - Quy phạm trang bị an toàn tàu biển.

**Điều 3. Giải thích thuật ngữ**

Các thuật ngữ sử dụng trong Quy định này được hiểu theo TCVN 6259-5: 2003 - Quy phạm phòng, phát hiện và chữa cháy, TCVN 6276: 2003 - Quy phạm hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm biển của tàu và TCVN 6278: 2003 - Quy phạm trang bị an toàn tàu biển.

**Chương II**

**PHƯƠNG TIỆN CỨU SINH**

**Điều 4. Yêu cầu phương tiện cứu sinh đối với tàu hàng**

Tàu hàng phải có các phương tiện cứu sinh sau đây:

1. Phương tiện cứu sinh cho tàu hàng có chiều dài nhỏ hơn 85m, trừ tàu dầu, tàu chở xô hóa chất và tàu chở xô khí hóa lỏng phải thỏa mãn những yêu cầu sau:

a) Tàu dưới 500 GT phải bố trí dụng cụ nổi ở mỗi mạn tàu đủ để chở tổng số người trên tàu;

b) Tàu từ 500 GT đến dưới 1600 GT phải bố trí phao bè mỗi mạn tàu đủ để chở tổng số người trên tàu;

c) Tàu từ 1600 GT trở lên, ngoài các quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, phải trang bị thêm ít nhất một xuồng cấp cứu ở trên tàu.

2. Phương tiện cứu sinh cho tàu hàng có chiều dài từ 85m trở lên, trừ tàu dầu, tàu chở xô hóa chất và tàu chở xô khí hóa lỏng phải thỏa mãn những yêu cầu sau:

a) Một hoặc nhiều xuồng cứu sinh (có thể là xuồng hở) bố trí ở mỗi mạn tàu đủ để chở tổng số người trên tàu, trong đó phải có ít nhất một xuồng cứu sinh thỏa mãn yêu cầu của xuồng cấp cứu ở trên tàu;

b) Một hoặc nhiều bè cứu sinh bố trí ở mỗi mạn tàu đủ để chở được tổng số người trên tàu. Nếu bè cứu sinh được bố trí tại boong hở và dễ dàng di chuyển sang mạn tàu bất kỳ, thì số bè cứu sinh được bố trí trên tàu phải đủ để chở tổng số người trên tàu.

3. Số lượng phao tròn và các quy định đối với phao tròn phải thỏa mãn quy định tại mục 2.4.2-1 và mục 2.2.2-1 Chương 2 - TCVN 6278: 2003 - Quy phạm trang bị an toàn tàu biển.

4. Ngoài số lượng phao áo cứu sinh quy định cho mỗi người trên tàu, còn phải trang bị thêm phao áo cứu sinh cho những người trực ca và được cất giữ tại buồng lái, trong buồng điều khiển máy hoặc các trạm có người trực khác.

5. Một thiết bị phóng dây tối thiểu có hai đầu phóng.

6. Không yêu cầu trang bị quần áo bơi và dụng cụ chống mất nhiệt.

### **Điều 5. Yêu cầu phương tiện cứu sinh đối với tàu khách**

Tàu khách phải có các phương tiện cứu sinh sau đây:

1. Phương tiện cứu sinh cho tàu khách dưới 300 GT phải thỏa mãn những yêu cầu sau:

a) Tàu hoạt động vùng biển hạn chế III, phải bố trí dụng cụ nổi ở mỗi mạn tàu đủ chở được 75% tổng số người trên tàu. Khi một dụng cụ nổi bị mất hoặc bị hỏng, thì số lượng dụng cụ nổi còn lại vẫn phải đảm bảo chở được 100% tổng số người trên tàu;

b) Tàu hoạt động vùng biển hạn chế II, phải bố trí bè cứu sinh ở mỗi mạn tàu đủ chở được 75% tổng số người trên tàu. Khi một bè cứu sinh bị mất hoặc bị hỏng, thì

số bè cứu sinh còn lại vẫn phải đảm bảo chở được 100% tổng số người trên tàu;

c) Tàu hoạt động vùng biển hạn chế I, ngoài các quy định ở mục b khoản 1 Điều này, phải trang bị bổ sung ít nhất một xuồng cấp cứu ở trên tàu.

2. Phương tiện cứu sinh cho tàu khách từ 300 GT đến dưới 500 GT phải thỏa mãn những yêu cầu sau:

a) Tàu hoạt động vùng biển hạn chế III, phải bố trí dụng cụ nổi theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Tàu hoạt động vùng biển hạn chế I và II, ngoài việc bố trí bè cứu sinh ở mỗi mạn tàu đủ chở được 75% tổng số người trên tàu, phải bổ sung ít nhất một xuồng cấp cứu ở trên tàu. Khi một bè cứu sinh bị mất hoặc bị hỏng, thì số bè cứu sinh còn lại vẫn phải đảm bảo chở được 100% tổng số người trên tàu.

3. Tàu khách từ 500 GT trở lên phải thỏa mãn quy định tại 2.3 và Bảng 2/1 Chương 2 TCVN 6278: 2003 - Quy phạm trang bị an toàn tàu biển.

4. Số lượng phao tròn và các quy định đối với các phao tròn phải thỏa mãn quy định tại mục 2.3.2-1 và mục 2.2.2-2 Chương 2 TCVN 6278: 2003 - Quy phạm trang bị an toàn tàu biển.

5. Ngoài số lượng phao áo cứu sinh trang bị đủ cho mỗi người trên tàu, còn phải trang bị bổ sung 5% phao áo cứu sinh và 10% phao áo cứu sinh trẻ em cho tổng số người trên tàu.

6. Một thiết bị phóng dây tối thiểu có hai đầu phóng.

7. Không yêu cầu trang bị quần áo bơi và dụng cụ chống mất nhiệt.

**Điều 6. Yêu cầu đối với tàu chở hàng lỏng dễ cháy, tàu chở xô khí hóa lỏng, tàu chở xô hóa chất nguy hiểm.**

1. Tàu chở hàng lỏng dễ cháy dưới 500 GT phải được trang bị theo quy định tại điểm a khoản 1, khoản 3, khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 4.

2. Tàu chở hàng lỏng dễ cháy từ 500 GT trở lên, tàu chở xô khí hóa lỏng, tàu chở xô hóa chất nguy hiểm phải thỏa mãn yêu cầu quy định tại mục 2.4.1-1 (6), (7), (8) Chương 2 - TCVN 6278: 2003 - Quy phạm trang bị an toàn tàu biển.

### Chương III

## PHÒNG CHÁY, PHÁT HIỆN CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

### Điều 7. Kết cấu chống cháy

1. Đối với tàu hàng dưới 1600 GT; tàu chở hàng lỏng dễ cháy dưới 500 GT; tàu khách dưới 300 GT: buồng phục vụ có nguy cơ cháy cao, khu vực buồng máy và trạm điều khiển có tiếp giáp với khu vực sinh hoạt phải được ngăn cách bởi các vách, boong, sàn kín nước làm bằng vật liệu chế tạo thân tàu và nếu được bọc phải bọc bằng vật liệu không cháy.

2. Các tàu không quy định tại khoản 1 Điều này phải thỏa mãn TCVN 6259-5: 2003 - Quy phạm phòng, phát hiện và chữa cháy.

### **Điều 8. Cửa ra vào buồng máy**

Cửa ra vào buồng máy phải có kết cấu chống cháy tương đương với kết cấu chống cháy của vách đặt cửa. Đối với cửa ra vào buồng máy loại A phải là cửa tự đóng và kín khí.

### **Điều 9. Bơm chữa cháy**

Bơm chữa cháy phải được trang bị theo quy định sau đây:

1. Tàu dưới 150 GT phải có ít nhất 01 bơm chữa cháy truyền động cơ giới.

2. Tàu từ 150 GT đến dưới 1000 GT phải có ít nhất 02 bơm chữa cháy truyền động cơ giới, trong đó 01 bơm truyền động cơ giới độc lập.

3. Tàu từ 1000 GT trở lên, phải có ít nhất 03 bơm chữa cháy, bao gồm 01 bơm chữa cháy sự cố và 02 bơm chữa cháy chính truyền động cơ giới, trong đó 01 bơm truyền động cơ giới độc lập. Đối với tàu dưới 2000 GT có thể dùng bơm chữa cháy sự cố loại di động.

### **Điều 10. Đầu phun, vòi rồng và họng chữa cháy**

Đầu phun, vòi rồng và họng chữa cháy trên tàu phải bố trí theo quy định sau đây:

1. Đầu phun chữa cháy

a) Đầu phun tiêu chuẩn là loại có đường kính 12mm, 16mm, 19mm hoặc gần với đường kính nêu trên. Nếu thấy cần thiết, có thể sử dụng đầu phun có đường kính lớn hơn.

b) Đối với buồng sinh hoạt, buồng phục vụ phải sử dụng đầu phun có đường kính 12mm.

c) Đối với buồng máy sử dụng đầu phun phải có hai tác dụng phun sương và phun tia.

### **2. Vòi rồng chữa cháy**

a) Vòi rồng chữa cháy phải có chiều dài từ 10m đến 15m cho buồng máy và từ 10m đến 20m cho các buồng khác và boong hở.

b) Tàu phải được trang bị vòi rồng chữa cháy theo quy định tại mục 10.2.3 TCVN 6259-5: 2003 - Quy phạm phòng, phát hiện và chữa cháy, nhưng không yêu cầu trang bị vòi rồng chữa cháy dự trữ.

### **3. Họng chữa cháy**

a) Số lượng và vị trí các họng chữa cháy phải đảm bảo có ít nhất một tia nước xuất phát từ họng chữa cháy nối với một vòi rồng có thể đến được mọi phần của tàu.

b) Họng chữa cháy phải bố trí gần lối ra vào của các khoang mà họng chữa cháy đó có nhiệm vụ bảo vệ.

### **Điều 11. Bình chữa cháy xách tay**

1. Kiểu bình chữa cháy xách tay được

quy định tại Chương 24-TCVN 6259-5: 2003 - Quy phạm phòng, phát hiện và chữa cháy.

2. Số lượng và bố trí các bình chữa cháy xách tay phù hợp với yêu cầu quy định tại mục 10.3.2 - TCVN 6259-5: 2003 - Quy phạm phòng, phát hiện và chữa cháy, nhưng không yêu cầu trang bị chất nạp dự trữ.

### **Điều 12. Các thiết bị chữa cháy trong buồng máy**

Buồng máy loại A có chứa động cơ đốt trong và thiết bị dầu đốt phải được trang bị hệ thống chữa cháy theo quy định sau đây:

#### **1. Tàu dưới 500 GT.**

a) 01 bình bọt chữa cháy có dung tích tối thiểu 45 lít hoặc tương đương;

b) Bình chữa cháy xách tay phải đảm bảo sao cho không có điểm nào trong buồng máy cách bình chữa cháy xách tay quá 10m tuy nhiên số lượng tối thiểu cho mỗi buồng máy là 02 bình;

c) 01 bộ đầu phun, vòi rồng và họng chữa cháy bằng nước trong một buồng máy.

2. Tàu từ 500 GT đến dưới 1000 GT, ngoài việc thỏa mãn các yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều này, buồng máy còn phải được trang bị thêm tối thiểu 01 bộ đầu phun, vòi rồng và họng chữa cháy bằng nước.

3. Tàu từ 1000 GT trở lên, ngoài việc

thỏa mãn yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều này, buồng máy phải được trang bị một trong các hệ thống chữa cháy cố định quy định tại mục 10.4.1 - TCVN 6259-5: 2003 - Quy phạm phòng, phát hiện và chữa cháy.

### **Điều 13. Sơ đồ kiểm soát cháy**

1. Ngôn ngữ dùng trong sơ đồ kiểm soát cháy phải là tiếng Việt.

2. Số lượng sơ đồ kiểm soát cháy

a) Tàu dưới 1000 GT phải trang bị 01 sơ đồ kiểm soát cháy treo ở mỗi tầng để hướng dẫn cho sĩ quan và thuyền viên trên tàu.

b) Tàu từ 1000 GT trở lên phải trang bị 01 sơ đồ kiểm soát cháy treo ở mỗi tầng để hướng dẫn cho thuyền viên trên tàu và 02 bộ sơ đồ kiểm soát cháy để trong hộp kín thời tiết được đánh dấu và đặt cố định ở phía ngoài của khu vực sinh hoạt để trợ giúp cho người chữa cháy từ trên bờ xuống tàu.

### **Điều 14. Thiết bị thở thoát nạn sự cố**

Không yêu cầu trang bị thiết bị thở thoát nạn sự cố.

### **Điều 15. Trang bị cho người chữa cháy**

Trang bị cho người chữa cháy theo quy định sau đây:

1. Tàu hàng dưới 500 GT, tàu khách dưới 300 GT, không yêu cầu trang bị bộ trang bị cho người chữa cháy.

2. Tàu hàng từ 500 GT trở lên, tàu khách từ 300 GT trở lên, phải trang bị tối thiểu 02 bộ trang bị cho người chữa cháy.

**Điều 16. Yêu cầu về trang thiết bị phòng cháy, phát hiện cháy và chữa cháy đối với tàu khách**

Tàu khách từ 100 GT trở lên ngoài việc tuân thủ quy định từ Điều 7 đến Điều 15 còn phải thỏa mãn các quy định sau đây:

1. Bơm chữa cháy

a) tàu khách dưới 300 GT phải được trang bị ít nhất 02 bơm chữa cháy truyền động cơ giới, trong đó 01 bơm phải được truyền động cơ giới độc lập.

b) tàu khách từ 300 GT trở lên phải có ít nhất 03 bơm chữa cháy, bao gồm 01 bơm chữa cháy sự cố và 02 bơm chữa cháy chính truyền động cơ giới, trong đó 01 bơm truyền động cơ giới độc lập.

2. Bình chữa cháy xách tay

Khu vực sinh hoạt phải được trang bị các bình chữa cháy xách tay đảm bảo sao cho không có điểm nào trong khu vực sinh hoạt cách bình chữa cháy xách tay quá 15m tuy nhiên tối thiểu mỗi boong phải có 02 bình.

**Điều 17. Hệ thống phát hiện và báo cháy cố định**

1. Tàu hàng từ 1000 GT trở lên, tàu khách từ 300 GT trở lên phải trang bị hệ thống phát hiện và báo cháy thỏa mãn quy định tại Chương 7 - TCVN 6259-5:

2003 - Quy phạm phòng, phát hiện và chữa cháy.

2. Tàu hàng dưới 1000 GT, tàu khách dưới 300 GT phải trang bị hệ thống báo cháy bằng tay. Các thiết bị báo cháy bằng tay phải được lắp đặt tại lối ra vào của khu vực sinh hoạt, trạm điều khiển và hành lang. Thiết bị báo cháy bằng tay phải luôn có thể tiếp cận được trong hành lang của mỗi boong sao cho không có vị trí nào của hành lang cách điểm đặt thiết bị báo cháy quá 20m.

3. Không yêu cầu trang bị hệ thống báo cháy tự động.

**Điều 18. Yêu cầu về trang thiết bị phòng cháy, phát hiện cháy và chữa cháy đối với tàu chở hàng lỏng dễ cháy, tàu chở xô khí hóa lỏng, tàu chở xô hóa chất nguy hiểm**

Trang thiết bị phòng cháy, phát hiện cháy và chữa cháy của tàu phải thỏa mãn yêu cầu quy định tại TCVN 6259-5: 2003 - Quy phạm phòng, phát hiện và chữa cháy.

**Chương IV**

**THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN VÀ THIẾT BỊ HÀNG HẢI**

**Điều 19. Định mức trang bị**

1. Thiết bị vô tuyến điện

Tàu phải được trang bị thiết bị vô tuyến điện (VTĐ) theo quy định sau đây:

Số thứ tự	Tên thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Máy thu phát MF/HF	1	Không áp dụng cho tàu chỉ hoạt động từ phao số "0" trở vào hoặc khu vực cảng
2	Thiết bị VHF DSC	1	
3	Máy thu NAVTEX	1	Áp dụng cho tàu hàng từ 500 GT trở lên và tàu khách từ 300 GT trở lên
4	S.EPIRB	1	Áp dụng cho tàu có từ 300 GT trở lên
5	Phản xạ ra đa	1	Áp dụng cho tàu hàng từ 500 GT trở lên và tàu khách từ 300 GT trở lên
6	Đồng hồ hàng hải	1	
7	VHF hai chiều (Two-way VHF)	2	Áp dụng cho tàu hàng từ 500 GT trở lên và tàu khách từ 300 GT trở lên hoạt động vùng biển hạn chế II và hạn chế I
8	Hệ thống truyền thanh công cộng*	1	Áp dụng cho tàu khách có số khách trên 50 người

**Ghi chú: (\*)**: Hệ thống phải gồm trung tâm điều khiển đặt tại buồng lái và các loa đặt tại buồng khách, đảm bảo có thể truyền đạt thông tin từ ban chỉ huy tàu đến hành khách.

## 2. Thiết bị hàng hải

Tàu phải được trang bị thiết bị hàng hải theo quy định sau đây:

Số thứ tự	Tên thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	La bàn từ chuẩn	1	Không yêu cầu nếu đã có la bàn từ lái
2	La bàn từ lái	1	Không yêu cầu nếu đã có la bàn từ chuẩn
3	Ra đa	1	Áp dụng cho tàu từ 300 GT trở lên
4	Máy đo sâu siêu âm	1	Áp dụng cho tàu hàng từ 500 GT trở lên và tàu khách từ 300 GT trở lên
5	Thiết bị đo sâu bằng tay	1	
6	Đèn tín hiệu ban ngày	1	Áp dụng cho tàu từ 300 GT trở lên
7	GPS	1	Áp dụng cho tàu hàng từ 150 GT trở lên và tàu khách
8	Đồng hồ bấm giây	1	
9	Thiết bị đo độ nghiêng	1	
10	Ống nhòm	1	



**Chương V****TRANG THIẾT BỊ PHÒNG NGỪA  
Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG  
BIỂN CỦA TÀU****Điều 20. Trang thiết bị phòng ngừa  
ô nhiễm do dầu từ buồng máy**

Tàu phải trang bị hệ thống lọc dầu theo quy định sau đây:

1. Tàu hàng, tàu khách dưới 1000 GT, tàu dầu dưới 400 GT không yêu cầu trang bị hệ thống lọc dầu.

2. Tàu hàng, tàu khách từ 1000 GT đến dưới 10000 GT, tàu dầu từ 400 GT đến

dưới 10000 GT phải trang bị hệ thống lọc dầu đảm bảo sao cho bất kỳ hỗn hợp dầu nước nào sau khi qua hệ thống lọc phải có hàm lượng dầu không quá 15 phần triệu.

3. Tàu từ 10000 GT trở lên phải trang bị hệ thống lọc dầu theo quy định tại khoản 2 Điều này và thiết bị lọc dầu đó phải có báo hiệu ánh sáng và âm thanh và tự động đóng khi hàm lượng dầu trong nước thải vượt quá 15 phần triệu./.

**BỘ TRƯỞNG****Đào Đình Bình**